

Số: 1259/QĐ-UBND

An Giang, ngày 14 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung;
thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng
(theo Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 09/11/2023 của UBND tỉnh)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ, về kiểm soát thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1165/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2023 của UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại Tờ trình số 3263/TTr-SXD ngày 05 tháng 8 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc thẩm quyền quản lý, giải quyết của Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải và Ban Quản lý Khu kinh tế.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế khoản 1,2 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của sở xây dựng ban hành kèm theo Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang;

Giao Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Công thương; Sở Giao thông vận tải và Ban Quản lý Khu kinh tế và Sở Thông tin và Truyền thông các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình nội bộ được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH, KTN;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước

PHỤ LỤC 1
QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG; THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG;
THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG.

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ XÂY DỰNG PHỤ TRÁCH:
1. Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /Báo cáo
nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (1.009972.000.00.00.H01)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	Mã hiệu:	1.009972.000.00.00.H01
		Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

6. BIỂU MẪU

7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Hồng Huy	Đặng Tiến Hưng	Phan Duy Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Phó Trưởng Phòng KT,VLXD&QLXD	Trưởng Phòng KT,VLXD&QLXD	Phó Giám đốc Sở Xây Dựng

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
--------------------------	-------------------------------------	------------------------	----------------------------	---------------

- Theo Quyết định 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần trước	Điều chỉnh nội dung, quy trình, số bước thực hiện, thời gian thực hiện	Lần 3	26/10/2023
---	----------------------------------	--	-------	------------

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng – Quản lý Xây dựng và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và khoản 6 Điều 12 Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	X	

5.3.2. Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.		X
5.3.3. Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu).		X
5.3.4. Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng.		X
5.3.5. Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.		X
5.3.6. Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).		X
5.3.7. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)		X
5.3.8. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở	X	

	hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án;		
	5.3.9. Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra		X
	5.3.10. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 08 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (Đối với vốn đầu tư công): + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B. + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh (không phải vốn đầu tư công): + Không quá 25 ngày đối với dự án nhóm B. + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn		
5.7	Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.		
5.8 5.8.1	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm B (30 ngày x 08 giờ = 240 giờ). (Đối với vốn đầu tư công)		
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	112 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		12 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm B (25 ngày x 08 giờ = 200 giờ).	(không phải vốn đầu tư công)		
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	80 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	80 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ 12 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.3	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm C (20 ngày x 08 giờ = 160 giờ). (Đối với vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	64 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	56 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ 12 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Ký số và chuyển kết quả cho TTPV HHC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.4	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh nhóm C (15 ngày x 08 giờ = 120 giờ). (không phải vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	44 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ 12 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Ký sổ và chuyển kết quả cho TTPV HCC (Văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.

3	Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.
---	-----------	--

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; thông báo kết quả thẩm định; các bản chụp tài liệu đã đóng dấu thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 7 Điều 15 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

PHỤ LỤC I*(Kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ)***TÊN TỔ CHỨC****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm ...

TỜ TRÌNH**Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số /2021/NĐ-CP ngày tháng 03 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan
(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Loại, nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình chính; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
4. Người quyết định đầu tư:
5. Chủ đầu tư (nếu có) hoặc tên đại diện tổ chức và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư:
8. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
9. Thời gian thực hiện:
10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
12. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 14 của Nghị định này.*
2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư:
 - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
 - Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư; Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu được lựa chọn áp dụng).
 - Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.
3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có);

- Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra;

- Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:...

Mẫu số 02**PHỤ LỤC VI**

(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm....

V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư
xây dựng...(tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng...(tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... *(văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng)*;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, *(Cơ quan chuyên môn về xây dựng)* thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... *(tên dự án)* như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của tổ chức trình thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Đối với dự án mà nhà đầu tư đã trúng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 không có yêu cầu phải chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan thẩm định đánh giá sự phù hợp của dự án với các nội dung yêu cầu tại văn bản quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị cần có đánh giá về kế hoạch xây dựng, hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi đưa các công trình nhà ở và công trình khác vào sử dụng; sự phù hợp của kế hoạch xây dựng của dự án thành phần hoặc giai đoạn thực hiện dự án đối với dự án tổng thể trong trường hợp trình thẩm định theo dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan chuyên môn về xây dựng*) về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG
(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu: ...

Mẫu số 03**PHỤ LỤC VI**

(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án... (tên dự án)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
- . Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

2. Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (1.009973.000.00.00.H01)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã TTHC	1.009973.000.00.00.H01
	Thủ tục thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.	Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Phạm Hồng Sơn	Nguyễn Hồng Linh	Nguyễn Quốc Cường
Chữ ký			
Chức vụ	CV. Phòng Giám định xây dựng	TP. Phòng Giám định xây dựng	GD. Sở Xây dựng

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng	Các nội dung dự thảo lần trước	Điều chỉnh lại nội dung quy trình, số bước thực hiện, thời gian thực hiện	Lần 3	

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự, thủ tục, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 37, khoản 5 Điều 39 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 và khoản 11 Điều 12 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.

[illegible]

	5.3.7. Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại điểm a, điểm b, điểm c và điểm d khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)			
	5.3.8. Đối với hồ sơ trình thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, thực hiện theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP; ngoài ra chủ đầu tư phải nộp Báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).		X	X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ (Sở Xây dựng thẩm định 01 bộ). * Ghi chú: Trường hợp Sở Xây dựng cần lấy ý kiến phối hợp của các cơ quan chuyên môn, tổ chức có liên quan. Sở Xây dựng sẽ yêu cầu chủ đầu tư bổ sung hồ sơ đối với những nội dung cần lấy ý kiến.			
5.5	Thời hạn giải quyết: Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ: - 40 ngày đối với công trình cấp đặc biệt và cấp I. - 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. - 20 ngày đối với công trình còn lại (cấp IV).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	Lệ phí: Theo quy định tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình giải quyết công việc:			
5.8.1	Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình cấp đặc biệt và cấp I: 40 ngày x 8 giờ = 320 giờ.			
TT	Trình tự		Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	8 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	8 giờ	
Bước 3	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ 16 giờ	
Bước 4	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	8 giờ	
Bước 5	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	
5.8.2	<i>Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình cấp II và cấp III: 30 ngày x 8 giờ = 240 giờ.</i>			
TT	Trình tự		Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	8 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	8 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	192 giờ	
Bước 3	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ	
	- Lãnh đạo Sở phê duyệt.		16 giờ	
Bước 4	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	8 giờ	
Bước 5	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	
5.8.3	<i>Đối với thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình còn lại (cấp IV): 20 ngày x 8 giờ = 160 giờ.</i>			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bru chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	4 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	4 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	
Bước 3	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Sở phê duyệt. - Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	8 giờ 16 giờ	
Bước 4	- Văn phòng - Ký số và Chuyển kết quả cho TTPVHCC	Văn thư Văn phòng Sở	8 giờ	
Bước 5	- Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân. (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	Không tính giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Công văn thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Các kết luận của tổ chức, cá nhân tham gia thẩm định; văn bản góp ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan.
3	Thông báo kết quả thẩm định.
4	Chủ đầu tư có trách nhiệm nộp các bản chụp (định dạng .PDF) tài liệu hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở đã được đóng dấu thẩm định của Sở Xây dựng.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 01

(Tờ trình Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/ Thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi: (Cơ quan chuyên môn về xây dựng).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, Cấp công trình:
3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt
4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...):
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư: (xác định và ghi rõ: vốn đầu tư công/vốn nhà nước ngoài đầu tư công/vốn khác/thực hiện theo phương thức PPP)
8. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
9. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
12. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý: *liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan theo quy định tại khoản 3 Điều 37 của Nghị định này.*

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng được Chủ đầu tư nghiệm thu, xác nhận;
- Hồ sơ thiết kế xây dựng bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
- Dự toán xây dựng đối với công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

III. ĐÁNH GIÁ VỀ HỒ SƠ THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự đáp ứng yêu cầu của thiết kế xây dựng với nhiệm vụ thiết kế, quy định tại hợp đồng thiết kế và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với yêu cầu về dây chuyền và thiết bị công nghệ (nếu có).

3. Việc lập dự toán xây dựng công trình; sự phù hợp của giá trị dự toán xây dựng công trình với giá trị tổng mức đầu tư xây dựng.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (tên công trình) với các nội dung nêu trên.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Mẫu số 02

(Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG
(Tên công trình ...)

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số/2021/NĐ-CP ngày... tháng năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... tháng... năm ... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc...;

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình; loại, cấp công trình; thời hạn sử dụng của công trình chính theo thiết kế.
- Tên dự án:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu khảo sát xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng:

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình, bộ phận công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng.

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).

2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.

3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:

- a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
- b) Các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí;
- c) Về đơn giá áp dụng;
- d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ XÂY DỰNG

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

- a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
- b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật;
- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật;

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế xây dựng với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế bảo đảm an toàn cho công trình lân cận.

4. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

5. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

6. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các khoản mục chi phí khác trong dự toán xây dựng;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra).

ĐƠN VỊ THẨM TRA

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:.....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03

(Công văn thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo mẫu số 06 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP)

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả thẩm
định thiết kế xây dựng triển
khai sau thiết kế cơ sở

Kính gửi:.....

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận Tờ trình số ngày tháng... năm ... của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (nếu có) (tên công trình) thuộc dự án đầu tư

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng... năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của tổ chức tư vấn, cá nhân;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp công trình:
3. Tên dự án đầu tư xây dựng:
4. Địa điểm xây dựng:
5. Chủ đầu tư:
6. Giá trị dự toán xây dựng công trình:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng (nếu có):
9. Nhà thầu thẩm tra thiết kế xây dựng:
10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý có liên quan trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu khảo sát, thiết kế, thẩm tra:

(Liệt kê các hồ sơ trình thẩm định)

3. Năng lực hoạt động xây dựng của các tổ chức và năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của các cá nhân tham gia thiết kế xây dựng công trình:

Liệt kê: Mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; Mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Tóm tắt giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình và các nội dung khác (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:
2. Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế, thẩm tra thiết kế:
3. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng với thiết kế cơ sở đã được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định:
4. Kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế đối với trường hợp yêu cầu phải thẩm tra thiết kế theo quy định.
5. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về việc xác định dự toán xây dựng (nếu có yêu cầu):
6. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường:
7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật có liên quan:
8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có):

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.
- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ CÔNG THƯƠNG PHỤ TRÁCH:

1. Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.

SỞ CÔNG THƯƠNG	QUY TRÌNH Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng /Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Mã hiệu:	QTNB-HĐXD01
		Ngày BH	/.../20.....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng và nhiệm vụ của Sở Công Thương tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4 ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- HĐXD: Hoạt động xây dựng.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	x	x
5.3.2	Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.	x	x

5.3.3	Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu).	x	x
5.3.4	Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng.	x	x
5.3.5	Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ	x	x
	Tiếp tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.		

5.3.6	Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).	x	x
5.3.7	Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).	x	x
5.3.8	Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án.	x	x
5.3.9	Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.	x	x
5.3.10	Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu	x	x
	Cần xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: - Dự án nhóm B không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; - Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
5.8.1	Quy trình xử lý công việc: Dự án nhóm B không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ	Tổ chức/ cá nhân	Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.
Bước 2	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận (Sở Xây dựng)	01 ngày	Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ: - Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy). - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến Sở Công Thương (bản giấy/bản số).
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	02 ngày	- Phân công phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận hồ sơ.
		Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	02 ngày	- Duyệt hồ sơ. - Chuyển Chuyên viên xử lý.

Bước 4	Phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp – Sở Công Thương	Chuyên viên Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	15 ngày	- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số). - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ. - Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ.
		Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	02 ngày	- Ký duyệt hồ sơ. - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.
Bước 5	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	02 ngày	- Phê duyệt Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định.
Bước 6	Văn phòng Sở Công Thương	CB Văn thư	01 ngày	- Đóng dấu văn bản. - Quét ký số. - Gửi kết quả TTPVHCC (Chuyển đến quầy Sở Xây dựng).
Bước 7	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận (Sở Xây dựng)	Không tính thời gian	- Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính. - Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.
5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ	Tổ chức/ cá nhân	Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.
Bước 2	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận (Sở Xây dựng)	0,5 ngày	Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ: - Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy). - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến Sở Công Thương (bản giấy/bản số).
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	01 ngày	- Phân công phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận hồ sơ.
Bước 4	Phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp – Sở Công Thương	Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	01 ngày	- Duyệt hồ sơ. - Chuyển Chuyên viên xử lý.
		Chuyên viên Phòng QLNL hoặc Phòng	10 ngày	- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số). - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Có văn bản yêu cầu sửa đổi,

		QLCN		bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ. - Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ.
		Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	01 ngày	- Ký duyệt hồ sơ. - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.
Bước 5	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	01 ngày	- Phê duyệt Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định.
Bước 6	Văn phòng Sở Công Thương	CB Văn thư	0,5 ngày	- Đóng dấu văn bản. - Quét ký số. - Gửi kết quả TTPVHCC (Chuyên đến quầy Sở Xây dựng).
Bước 7	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận (Sở Xây dựng)	Không tính thời gian	- Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính. - Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân.

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 1 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.

2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định có đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng.
3	Sổ theo dõi.

Hồ sơ được lưu tại phòng Quản lý Năng lượng hoặc phòng Quản lý Công nghiệp, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở.

SỞ CÔNG THƯƠNG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	QTNB - HĐXD02
	Thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Ngày BH	/...../20..

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc chức năng và nhiệm vụ của Sở Công Thương tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLTCCCL: Quản lý tiêu chuẩn, chất lượng.
- QTNB: Quy trình nội bộ.
- HĐXD: Hoạt động xây dựng.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Quyết định 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:

	Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
5.3.1	Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	X	X
5.3.2	- Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: + Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); + Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); + Văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); + Các văn bản khác có liên quan; <i>(Thủ tục về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc).</i>	X	X

5.3.3	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;	x	x
5.3.4	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có);	x	x
5.3.5	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	x	x
5.3.6	Đối với thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	x	x
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: - Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại (cấp IV).		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn (nếu đủ điều kiện áp dụng).		

5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
5.8.1	Quy trình xử lý công việc: Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ	Tổ chức/ cá nhân	Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.
Bước 2	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận	01 ngày	Kiểm tra thành phần hồ sơ, nếu hồ sơ đầy đủ: - Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy). - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến Sở Công Thương (bản giấy/bản số).
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	02 ngày	- Phân công phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận hồ sơ.
Bước 4	Phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp – Sở Công Thương	Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	02 ngày	- Duyệt hồ sơ. - Chuyên viên xử lý.
		Chuyên viên Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	20 ngày	- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số). - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ.

				- Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ.
		Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	02 ngày	- Ký duyệt hồ sơ. - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.
Bước 5	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	02 ngày	- Phê duyệt Thông báo kết quả thẩm định/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định.
Bước 6	Văn phòng Sở Công Thương	CB Văn thư	01 ngày	- Đóng dấu văn bản. - Quét ký số. - Gửi kết quả TTPVHCC (Chuyển đến quầy Sở Xây dựng).
Bước 7	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận	Không tính thời gian	- Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính. - Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân.
5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại (cấp IV).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ	Tổ chức/ cá nhân	Giờ hành chính đối với nộp hồ sơ trực tiếp.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm PVHCC hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc nộp trực tuyến trên Cổng dịch vụ công.
Bước 2	Trung tâm	CB	0,5 ngày	Kiểm tra thành phần hồ sơ,

	Phục vụ HCC	Tiếp nhận		nếu hồ sơ đầy đủ: - Tiếp nhận hồ sơ (bản số/bản giấy). - In phiếu tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ đến Sở Công Thương (bản giấy/bản số).
Bước 3	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Phụ trách	01 ngày	- Phân công phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp tiếp nhận hồ sơ.
Bước 4	Phòng Quản lý Năng lượng hoặc Phòng Quản lý Công nghiệp – Sở Công Thương	Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	01 ngày	- Duyệt hồ sơ. - Chuyển Chuyên viên xử lý.
		Chuyên viên Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	15 ngày	- Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ hồ sơ (bản giấy/ bản số). - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu có). Nếu không nộp bổ sung hồ sơ thì tiến hành trả hồ sơ. - Dự thảo, in Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm. - Trình lãnh đạo Phòng duyệt hồ sơ. - Lưu trữ hồ sơ.
		Lãnh đạo Phòng QLNL hoặc Phòng QLCN	01 ngày	- Ký duyệt hồ sơ. - Trình lãnh đạo Sở phê duyệt.
Bước 5	Lãnh đạo Sở Công Thương	Giám đốc hoặc Phó Giám đốc	01 ngày	- Phê duyệt Thông báo kết quả thẩm định/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết

		Phụ trách		kế cơ sở kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định.
Bước 6	Văn phòng Sở Công Thương	CB Văn thư	0,5 ngày	- Đóng dấu văn bản. - Quét ký số. - Gửi kết quả TTPVHCC (Chuyển đến quầy Sở Xây dựng).
Bước 7	Trung tâm Phục vụ HCC	CB Tiếp nhận	Không tính thời gian	- Yêu cầu tổ chức/cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính. - Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân.

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 2 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ- CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục I Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Công văn thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ như mục 5.3
2	Thông báo kết quả thẩm định/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở kèm theo hồ sơ thiết kế trình thẩm định có đóng dấu thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng.
3	Sổ theo dõi.
Hồ sơ được lưu tại phòng Quản lý Năng lượng hoặc phòng Quản lý Công Nghiệp, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI PHỤ TRÁCH:

1. Quy trình: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	
	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự tiếp nhận hồ sơ Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh tại Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLCLCTGT: Quản lý chất lượng công trình giao thông

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	X	X
	- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;	X	X

	- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);	x	x
	- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	x	x
	- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường). Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.	x	x
	- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nổi hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).	x	x

	- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).	x	x
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án.	x	x
	- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.	x	x
	- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	x	x
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ		
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với dự án đầu tư công (Sở GTVT đồng thời là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cũng là cơ quan chuyên môn về xây dựng) + Dự án nhóm A không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm B không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm C không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án còn lại (Sở GTVT là cơ quan chuyên môn về xây dựng) + Dự án nhóm A không quá 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm B không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: + Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm) + Qua bưu chính công ích; + Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công		
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính		

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ: - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm); - Qua bưu chính công ích; - Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công	Tổ chức	Giờ hành chính	
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ (bản giấy/bản số)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	2 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 3	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 4	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện thì trong thời gian 05 (hai) ngày làm việc Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ; + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Đối với dự án đầu tư công (Sở GTVT đồng thời là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cũng là cơ quan chuyên môn về xây dựng): + Dự án nhóm A: 292 giờ; + Dự án nhóm B: 212 giờ; + Dự án nhóm C: 132 giờ; - Đối với dự án đầu tư công (Sở GTVT là cơ quan chuyên	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6

	lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định này; + Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu.		môn về xây dựng): + Dự án nhóm A: 252 giờ; + Dự án nhóm B: 172 giờ; + Dự án nhóm C: 92 giờ;	
Bước 5	Lãnh đạo phòng kiểm tra hồ sơ, xem xét, báo cáo kết quả thẩm định, xây dựng các văn bản, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt dự án trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 6	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Ban Giám đốc Sở	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 7	Văn thư đóng dấu, quét ký số, chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Văn thư	2 giờ	Theo mục 6,7
Bước 8	Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến người thực hiện thủ tục hành chính	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 2 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ, giấy tờ tại mục 5.3
2	Văn bản ý kiến của cơ quan liên quan
	
Hồ sơ được lưu tại phòng QLCLCTGT, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

2. Quy trình: Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI	QUY TRÌNH Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Mã hiệu:	
		Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự tiếp nhận hồ sơ Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý chất lượng công trình giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

-QLCLCTGT: Quản lý chất lượng công trình giao thông

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- - Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ.	X	X
	- Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy	X	X

	phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan.		
	Thủ tục về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc;	X	X
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;	X	X
	- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có);	X	X
	- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	X	X
	- Đối với thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	X	X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ		
5.5	Thời gian xử lý: - Không quá 40 ngày (320 giờ) đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày (240 giờ) đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày (160 giờ) đối với công trình còn lại.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: + Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm) + Qua bưu chính công ích;		

	+ Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ: - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm); - Qua bưu chính công ích; - Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công	Tổ chức	Giờ hành chính	
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ (bản giấy/bản số)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	2 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 3	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 4	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện thì trong thời gian 05 (hai) ngày làm việc Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ; + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng	Chuyên viên phòng chuyên môn	+ công trình cấp I, cấp đặc biệt: 292 giờ; + công trình cấp II và cấp III: 212 giờ; + công trình còn lại: 132 giờ;	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6

	theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định này; + Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu.			
Bước 5	Lãnh đạo phòng kiểm tra hồ sơ, xem xét, báo cáo kết quả thẩm định, xây dựng các văn bản, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt dự án trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 6	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Ban Giám đốc Sở	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 7	Văn thư đóng dấu, quét ký số, chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Văn thư	2 giờ	Theo mục 6,7
Bước 8	Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến người thực hiện thủ tục hành chính	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 2 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Công văn thông báo kết quả thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU**Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:**

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ, giấy tờ tại mục 5.3
2	Văn bản ý kiến của cơ quan liên quan
Hồ sơ được lưu tại phòng QLCLCTGT, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

IV. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ (CẤP PHÉP XÂY DỰNG)

1. Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (1.009974.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã số TTHC	1.009974.000.0 0.00.H01
		Ngày BH	8/2024
	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QH XD	Trưởng Phòng QL.QH XD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
-----------------------------	----------------------	---------------------------	-------------------------------	------------------

	quan việc sửa đổi			
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu Kinh tế	Lần 2	30/5/2024

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản).

	- Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thuỷ lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ (riêng đối với mẫu đơn đề nghị cấp Giấy phép xây dựng có thời hạn thì tiêu đề của đơn đổi thành “Đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng có thời hạn”); thành phần hồ sơ khác cho từng loại công trình, cụ thể như sau: (1.1) Đối với công trình không theo tuyến: - Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm	01 bản	01 bản

theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

(1.2) Đối với công trình theo tuyến:

- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về vị trí và phương án tuyến hoặc Quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt

theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm: sơ đồ vị trí tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng tổng thể hoặc bản vẽ bình đồ công trình; bản vẽ các mặt cắt dọc và mặt cắt ngang chủ yếu của tuyến công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đầu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

(1.3) Đối với công trình tín ngưỡng, tôn giáo:

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tôn giáo gồm các tài liệu như quy định tại mục “(1.1) Đối với công trình không theo tuyến” và văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

- Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng gồm các tài liệu như quy định tại Điều 46 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ gồm:

+ Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

+ 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng kèm theo Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy, chữa cháy kèm theo bản vẽ thẩm duyệt trong trường hợp pháp luật về phòng cháy và chữa cháy có yêu cầu; báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng trong trường hợp pháp luật về xây dựng có yêu cầu, gồm: Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất kèm theo sơ đồ vị trí công trình; Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình; Bản vẽ mặt bằng móng và mặt cắt móng kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình gồm cấp nước, thoát nước, cấp điện; Đối với công trình xây dựng có công trình liên kề phải có bản cam kết bảo đảm an toàn đối với công trình liên kề.

- Ý kiến của cơ quan chuyên môn về tín ngưỡng, tôn giáo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trường hợp pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo có quy định); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng đối với các công trình tín ngưỡng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng;

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng công trình tín ngưỡng, tôn giáo thuộc dự án bảo quản, tu bổ,

phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, ngoài các tài liệu quy định tại điểm a, điểm b khoản 3 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, phải bổ sung văn bản về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

(1.4) Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng.

- 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án.

- Văn bản chấp thuận về sự cần thiết xây dựng và quy mô công trình của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa.

(1.5) Đối với công trình của các cơ quan ngoại giao và tổ chức quốc tế:

- Một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Quyết định phê duyệt dự án; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm

	theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 41 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy và các tài liệu, bản vẽ được thẩm duyệt kèm theo theo quy định của pháp luật về phòng cháy, chữa cháy; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với trường hợp không thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng. - 02 bộ bản vẽ thiết kế xây dựng trong hồ sơ thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, gồm; bản vẽ tổng mặt bằng toàn dự án, mặt bằng định vị công trình trên lô đất; bản vẽ kiến trúc các mặt bằng, các mặt đứng và mặt cắt chủ yếu của công trình; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng; các bản vẽ thể hiện giải pháp kết cấu chính của công trình; bản vẽ mặt bằng đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật bên ngoài công trình, dự án. - Các điều khoản quy định của Hiệp định hoặc thỏa thuận đã được ký kết với Chính phủ Việt Nam.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/giấy phép xây dựng			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng QLQHXD	88 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa. Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG / (ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Dì dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ: số nhà: đường/phố:
 phường/xã: quận/huyện: tỉnh/thành phố: ...
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
 Lô đất số: Diện tích m².
 Tại số nhà: đường/phố
 phường/xã: quận/huyện:
 tỉnh, thành phố:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Chiều cao công trình:m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:
- + Loại công trình: Cấp công trình:
- + Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:
- Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số:ngày
- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

- * Loại công trình: Cấp công trình:
- * Các thông tin chủ yếu của công trình:

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình: m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:Diện tích.....m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2. Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án (1.009977.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã số TTHC	1.009977.000.00.00.H01
		Ngày BH	8/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày			Lần 2	2024

26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế		
---	--------------------------------------	-------------------------	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm d khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;
-------------------	--

	- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	01 bản	01 bản	
	- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;	01 bản	01 bản	
	- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200	01 bản	01 bản	
	- Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản phê duyệt điều chỉnh thiết kế của người có thẩm quyền theo quy định kèm theo Bản kê khai điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thiết kế đối với trường hợp thiết kế không do cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định hoặc Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế điều chỉnh của cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.	01 bản	01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bru chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	- Lệ phí: 50.000 đồng/giấy phép xây dựng được quy định tại Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang..			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện:Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà:đường (phố)..... phường (xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số:Diện tích..... m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

3. Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) (1.009979.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã số TTHC	1.009979.000. 00.00.H01
		Ngày BH	8/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2	2024

của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng				
--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1

Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang
- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;
- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm d khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng

5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng, trong đó giải trình rõ lý do đề nghị cấp lại theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; - Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp (đối với trường hợp bị rách, nát).	01 bản	01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	- Lệ phí: (quy định tại (Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang). + 50.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 100.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.

Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	16 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 4	- Chuyển văn thư ký sổ, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	08 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 5	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: đường (phố)..... phường (xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: Diện tích..... m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

4. Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến / Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị / Dự án (1.009978.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã số TTHC	1.009978.000.0 0.00.H01
	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến / Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị / Dự án	Ngày BH	8/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Quyết định số 1105/QĐ- BXD ngày		Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2	2024

26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu			
---	--------------------------------------	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm d khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;
-------------------	--

	- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hoá; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng theo Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ;	01 bản	01 bản	
	- Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp;	01 bản	01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	- Lệ phí: 15.000 đồng/ Lần gia hạn (Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang).			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 05 (ngày làm việc) x 08 giờ = 40 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	16 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp

Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 4	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	08 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 2 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH/GIA HẠN/CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (Chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số nhà: đường (phố)..... phường (xã)

quận (huyện) tỉnh, thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

Lô đất số: Diện tích..... m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: *(số, ngày, cơ quan cấp)*

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp *(hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại)*:

-

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

5. Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án) (1.007187.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp giấy phép <u>di dời</u> đối với công trình cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyển/Theo tuyển trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyển/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyển trong đô thị/Dự án)	Mã số TTHC	1.009976.000.0 0.00.H01
		Ngày BH	8/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2	2024

của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng				
--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm d khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính

	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật.	01 bản	01 bản

	- Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến. - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện. - Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	- Lệ phí: không nằm trong danh mục thu phí tại Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	mẫu số 1 tại Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ: số nhà: đường/phố:
phường/xã: quận/huyện: tỉnh/thành phố: ...
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: đường/phố
phường/xã: quận/huyện:
tỉnh, thành phố:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).

- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).

- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Chiều cao công trình:m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số:ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình: m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:Diện tích.....m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

6. Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án (1.009975.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã số TTHC	1.009975.000.00.00.H01
	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án	Ngày BH	8/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
---------------------------------	--	-------------------------------	-----------------------------------	----------------------

- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2	2024
--	--------------------------------	-------------------------	-------	------

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang; Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về

công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu xin giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1

Cơ sở pháp lý:

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang
- Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang;

	- Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	- Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành. (Đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị thì phù hợp với vị trí và tổng mặt bằng của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản). - Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. - Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hoá, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. - Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định. - Đối với khu vực chưa có quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn thì quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành có liên quan hoặc quy chế quản lý kiến trúc hoặc văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận về vị trí và tổng mặt bằng (đối với công trình không theo tuyến ngoài đô thị) là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng không yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng theo quy định của pháp luật về quy hoạch, công trình thuộc dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 05 héc ta (nhỏ hơn 02 héc ta đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở chung cư) thì quy hoạch phân khu xây dựng là cơ sở để xem xét cấp giấy phép xây dựng. - Đối với các công trình xây dựng ảnh hưởng lớn đến an toàn, lợi ích cộng đồng có yêu cầu thẩm tra theo quy định tại khoản 6 Điều 82 của Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 24 Điều 1 của Luật số 62/2020/QH14, báo cáo kết quả thẩm tra ngoài các yêu cầu riêng của chủ đầu tư, phải có kết luận đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của hồ sơ thiết kế xây dựng.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	- Đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình theo Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. - Bản sao giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất nơi công trình sẽ di dời đến và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình theo quy định của pháp luật. - Bản vẽ hoàn công công trình (nếu có) hoặc bản vẽ thiết kế mô tả thực trạng công trình được di dời, gồm mặt bằng, mặt cắt móng và bản vẽ kết cấu chịu lực chính; bản vẽ tổng mặt bằng địa điểm công trình sẽ được di dời tới; bản vẽ mặt bằng, mặt cắt móng tại địa điểm công trình sẽ di dời đến. - Báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện. - Phương án di dời do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện gồm: + Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; + Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình.		
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn		
5.7	- Lệ phí: Không quy định trong Quyết định số: 44/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh An Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý lệ phí cấp phép xây		

	dựng trên địa bàn tỉnh An Giang.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa. Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Ban ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính

Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyet
-------------------	--	--------------------------------	--------	---

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 1 Phụ lục số II Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
(ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG CÓ THỜI HẠN)

(Sử dụng cho công trình: Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng /Nhà ở riêng lẻ/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án/Di dời công trình)

Kính gửi:

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):
- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):
- Địa chỉ liên hệ: số nhà: đường/phố:
 phường/xã: quận/huyện: tỉnh/thành phố: ...
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: đường/phố
- phường/xã: quận/huyện:
 tỉnh, thành phố:

3. Tổ chức/cá nhân lập, thẩm tra thiết kế xây dựng:

3.1. Tổ chức/cá nhân lập thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ nhiệm, chủ trì thiết kế:

3.2. Tổ chức/cá nhân thẩm tra thiết kế xây dựng:

- Tên tổ chức/cá nhân: Mã số chứng chỉ năng lực/hành nghề:
- Tên và mã số chứng chỉ hành nghề của các chủ trì thẩm tra thiết kế:....

4. Nội dung đề nghị cấp phép:

4.1. Đối với công trình không theo tuyến, tín ngưỡng, tôn giáo:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Tổng diện tích sàn (đối với công trình dân dụng và công trình có kết cấu dạng nhà):..... m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum - nếu có).

- Số tầng:(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum - nếu có).

4.2. Đối với công trình theo tuyến trong đô thị:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Tổng chiều dài công trình:m (ghi rõ chiều dài qua từng khu vực đặc thù, qua từng địa giới hành chính xã, phường, quận, huyện, tỉnh, thành phố).
- Cốt của công trình:m (ghi rõ cốt qua từng khu vực).
- Chiều cao tính không của tuyến:m (ghi rõ chiều cao qua các khu vực).
- Độ sâu công trình:m (ghi rõ độ sâu qua từng khu vực).

4.3. Đối với công trình tượng đài, tranh hoành tráng:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng:m².
- Cốt xây dựng:m.
- Chiều cao công trình:m.

4.4. Đối với công trình nhà ở riêng lẻ:

- Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².
- Tổng diện tích sàn:m² (trong đó ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình:m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (trong đó ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).

4.5. Đối với trường hợp cải tạo, sửa chữa:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại công trình.

4.6. Đối với trường hợp cấp giấy phép theo giai đoạn:

- Giai đoạn 1:

+ Loại công trình: Cấp công trình:

+ Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn 2:

Các nội dung theo quy định tại mục 4.1; 4.2; 4.3; 4.4 tương ứng với loại và giai đoạn 1 của công trình.

- Giai đoạn ...

4.7. Đối với trường hợp cấp cho Dự án:

- Tên dự án:

Đã được:phê duyệt, theo Quyết định số:ngày

- Gồm: (n) công trình

Trong đó:

Công trình số (1-n): (tên công trình)

* Loại công trình: Cấp công trình:

* Các thông tin chủ yếu của công trình:

4.8. Đối với trường hợp di dời công trình:

- Công trình cần di dời:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt):m².

- Tổng diện tích sàn:m².

- Chiều cao công trình: m.

- Địa điểm công trình di dời đến:

Lô đất số:Diện tích.....m².

Tại: đường:

phường (xã) quận (huyện)

tỉnh, thành phố:

- Số tầng:

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng năm.....
NGƯỜI LÀM ĐƠN/ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

7. Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng / điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (1.006930.000.00.00.H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng / điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng	Mã số TTHC	1.006930.000.00.00.H01
		Ngày BH	05/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Phạm Công Giát
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần hành / sửa đổi	ban Lần	Ngày hành ban
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2		2024

dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng				
---	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Phòng Quản lý quy hoạch Xây dựng và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14. - Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng. - Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, phân cấp thẩm định dự án, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang; - Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND Quy định thẩm quyền
------------	---

	quyết định đầu tư; phân cấp thẩm định dự án, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng;		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 01 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư.		X
	5.3.3. Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu).		X
	5.3.4. Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận đối với công trình xây dựng theo tuyến; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng		X
	5.3.5. Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật		X

về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường); Các thủ tục về phòng cháy chữa cháy và bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy;		
5.3.6. Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đầu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có)		X
5.3.7. Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có)		X
5.3.8.1. Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt;	X	
5.3.8.2. Thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án		X
5.3.9. Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra		X

	5.3.10. Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, ngoài các nội dung quy định nêu trên, hồ sơ trình thẩm định phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định tổng mức đầu tư; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)		X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 08 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Ban Quản lý Khu kinh tế nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (Đối với vốn đầu tư công): + Không quá 30 ngày làm việc đối với dự án nhóm B. + Không quá 20 ngày làm việc đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (không phải vốn đầu tư công): + Không quá 25 ngày làm việc đối với dự án nhóm B. + Không quá 15 ngày làm việc đối với dự án nhóm C.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.			
5.8 5.8.1	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nhóm B (20 ngày làm việc x 08 giờ = 160 giờ). (Đối với vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt. - Lãnh đạo Ban phê duyệt.	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8 5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nhóm B (20 ngày làm việc x 08 giờ = 160 giờ). (Không phải vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt. - Lãnh đạo Ban phê duyệt.	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.3	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nhóm C (20 ngày làm việc x 08 giờ = 160 giờ). (Đối với vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV xử lý	Chuyên viên tại TTPV HCC	08 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	32 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt. - Lãnh đạo Ban phê duyệt.	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	16 giờ	
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	16 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.4	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng nhóm C (15 ngày làm việc x 08 giờ = 120 giờ). (không phải vốn đầu tư công)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	08 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	44 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt. - Lãnh đạo Ban phê duyệt.	Trưởng Ban (hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách)	20 giờ	
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	08 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 1 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thẩm định của Ban Quản lý Khu kinh tế.
2	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

8. Thủ tục thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở (1.009942.000.00.00H01)

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Mã số TTHC	1.009942.000.00.00 H01
		Ngày BH	05/2024

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Trần Phương Nam	Nguyễn Thanh Bình	Phạm Công Giát
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên Phòng QL.QHXD	Trưởng Phòng QL.QHXD	Phó Trưởng Ban Ban Quản lý Khu kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
- Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi	Các nội dung ở Dự thảo lần đầu	Ban Quản lý Khu kinh tế	Lần 2	2024

chức năng quản lý nhà nước của bộ xây dựng				
--	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự, thủ tục, quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn, điều kiện về quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Phòng Quản lý quy hoạch Xây dựng và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng. - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; - Quyết định số 1105/QĐ-BXD ngày 26/10/2023 của Bộ Xây dựng về Quyết định việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thay thế trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ xây dựng; - Quyết định 32/2023/QĐ-UBND ngày 18 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh An Giang. - Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang quy định thẩm quyền quyết định đầu tư, phân cấp thẩm định dự án, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang;
------------	---

	- Quyết định số 63/2021/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 29/2021/QĐ-UBND Quy định thẩm quyền quyết định đầu tư; phân cấp thẩm định dự án, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng nguồn vốn đầu tư công trên địa bàn tỉnh An Giang. - Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng. - Quyết định 06/2022/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 về việc ban hành quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng và bảo trì công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh an giang - Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 20/10/2021 về việc Ban hành Quy định một số nội dung về cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh An Giang; - Nghị định số 113/2020/NĐ-CP ngày 18/9/2020 Quy định chi tiết điểm đ khoản 3 Điều 3 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng về công tác thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở và miễn giấy phép xây dựng		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy,	X	

	kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu) và các văn bản khác có liên quan. Thủ tục về phòng cháy chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định		
	5.3.4. Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định.		X
	5.3.5. Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có).		X
	5.3.6. Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)		X
	5.3.7. Đối với điều chỉnh thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).		X
5.4	Số lượng hồ sơ: 04 bộ (01 bộ Ban Quản lý Khu kinh tế thẩm định; 03 bộ gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng lấy ý kiến): 5.4.1. Trường hợp hồ sơ trình thẩm định có các hạng mục liên quan: Điện (TBA), Công nghệ; Chủ đầu tư cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ (số lượng 01 cho mỗi hạng mục): số thứ tự 1,4,6,7 (số thứ tự 6 không phải nộp bản vẽ TKCS).		

	5.4.22. Đối với công trình có cấu phần thiết bị (TBA, kim thu sét...), chủ đầu tư bổ sung thêm 03 bảng báo giá có liên quan gần nhất hoặc chứng thư thẩm định giá của tổ chức đủ điều kiện năng lực phù hợp.			
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Ban Quản lý Khu kinh tế nhận đủ hồ sơ hợp lệ. + 20 ngày làm việc đối với công trình cấp II và cấp III. + 16 ngày làm việc đối với công trình còn lại.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. - Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/05/2023 của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 5.8.1. Đối với thẩm định thiết kế và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình cấp II và cấp III: 20 ngày làm việc x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý.	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	104 giờ	

Bước 3	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt	Lãnh đạo phòng chuyên môn	32 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo Ban xem xét, phê duyệt.	Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách	16 giờ	
Bước 5	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	4 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 6	Yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	00 giờ	
5.8.1. Đối với thẩm định thiết kế và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, công trình còn lại: 16 ngày làm việc x 08 giờ = 128 giờ.				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển cho CV phụ trách xử lý	Bộ phận TN&TKQ tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ	

Bước 3	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt	Lãnh đạo phòng chuyên môn	16 giờ	
Bước 4	- Lãnh đạo Ban xem xét, phê duyệt.	Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban phụ trách	8 giờ	
Bước 4	- Chuyển văn thư ký số, nhân bản, đóng dấu và Chuyển kết quả cho TTPV HCC (văn bản điện tử và văn bản giấy)	Văn thư	4 giờ	Yêu cầu tổ chức/ cá nhân thực hiện nghĩa vụ tài chính
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Chuyên viên tại TTPV HCC	00 giờ	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 2 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Công văn thông báo kết quả thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Tờ trình thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của Nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường theo quy định của

	pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu); kết quả thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy và các văn bản khác có liên quan.
3	Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định
4	Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có)
5	Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có)
6	Công văn thông báo kết quả thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 6 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
7	Các bản vẽ thiết kế đã được thẩm định, đóng dấu.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

V. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN PHỤ TRÁCH

1. Quy trình: Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	Mã hiệu:	
		Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

- 1.MỤC ĐÍCH
- 2.PHẠM VI
- 3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN
- 4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
- 5.NỘI DUNG QUY TRÌNH
- 6.BIỂU MẪU
- 7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự tiếp nhận hồ sơ Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp lý liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLXDCT: Quản lý xây dựng công trình

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 14 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) phải tuân thủ quy định của pháp luật về kiến trúc.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng theo Mẫu số 1 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ	x	x
	- Văn bản về chủ trương đầu tư xây dựng công trình theo quy định pháp luật về đầu tư, đầu tư công, đầu tư theo phương thức đối tác công tư;	x	x

	- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có yêu cầu);	x	x
	- Văn bản/quyết định phê duyệt và bản vẽ kèm theo (nếu có) của một trong các loại quy hoạch sau đây: Quy hoạch chi tiết xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch; phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận; quy hoạch phân khu xây dựng đối với trường hợp không có yêu cầu lập quy hoạch chi tiết xây dựng;	x	x
	- Văn bản ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở; văn bản kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường). Các thủ tục về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình các văn bản này tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, nhưng phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc. Trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu thực hiện thủ tục lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy và chữa cháy của thiết kế cơ sở theo cơ chế một cửa liên thông khi thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng tại cơ quan chuyên môn về xây dựng thì chủ đầu tư nộp bổ sung 01 bộ hồ sơ theo quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.	x	x
	- Các văn bản thỏa thuận, xác nhận về đấu nối hạ tầng kỹ thuật của dự án; văn bản chấp thuận độ cao công trình theo quy định của Chính phủ về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam (trường hợp dự án không thuộc khu vực hoặc đối tượng có yêu cầu lấy ý kiến thống nhất về bề mặt quản lý độ cao công trình tại giai đoạn phê duyệt quy hoạch xây dựng) (nếu có).	x	x
	- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).	x	x
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được phê duyệt; thuyết minh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng; thiết kế cơ sở hoặc thiết kế khác theo thông lệ quốc tế phục vụ lập báo cáo	x	x

	nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng (gồm bản vẽ và thuyết minh); danh mục tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng cho dự án.			
	- Danh sách các nhà thầu kèm theo mã số chứng chỉ năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế cơ sở, nhà thầu thẩm tra (nếu có); mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế, lập tổng mức đầu tư; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra.		X	X
	- Đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu xem xét tổng mức đầu tư, hồ sơ trình thẩm định còn phải có các nội dung sau: tổng mức đầu tư; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).		X	X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ			
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với dự án đầu tư công (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đồng thời là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cũng là cơ quan chuyên môn về xây dựng) + Dự án nhóm A không quá 40 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm B không quá 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm C không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án còn lại (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn về xây dựng) + Dự án nhóm A không quá 35 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm B không quá 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Dự án nhóm C không quá 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: + Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm) + Qua bưu chính công ích; + Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	Nơi nộp hồ sơ: - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm); - Qua bưu chính công ích; - Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công	Tổ chức	Giờ hành chính	
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ (bản giấy/bản số)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	2 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 3	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 4	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện thì trong thời gian 05 (hai) ngày làm việc Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ; + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định này; + Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu.	Chuyên viên phòng chuyên môn	- Đối với dự án đầu tư công (Sở NN và PTNT đồng thời là cơ quan chuyên môn trực thuộc người quyết định đầu tư và cũng là cơ quan chuyên môn về xây dựng): + Dự án nhóm A: 292 giờ; + Dự án nhóm B: 212 giờ; + Dự án nhóm C: 132 giờ;	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6

			- Đối với dự án đầu tư công (Sở NN và PTNT là cơ quan chuyên môn về xây dựng): + Dự án nhóm A: 252 giờ; + Dự án nhóm B: 172 giờ; + Dự án nhóm C: 92 giờ;	
Bước 5	Lãnh đạo phòng kiểm tra hồ sơ, xem xét, báo cáo kết quả thẩm định, xây dựng các văn bản, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt dự án trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 6	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Ban Giám đốc Sở	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 7	Văn thư đóng dấu, quét ký số, chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Văn thư	4 giờ	Theo mục 6,7
Bước 8	Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến người thực hiện thủ tục hành chính (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 1 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 02 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Quyết định phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án theo Mẫu số 03 Phụ lục VI Nghị định 35/2023/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ, giấy tờ tại mục 5.3
2	Văn bản ý kiến của cơ quan liên quan
	
Hồ sơ được lưu tại phòng QLXDCT, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.	

2. Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	QUY TRÌNH Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở	Mã hiệu:	
		Ngày BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

1. MỤC ĐÍCH

Quy định trình tự tiếp nhận hồ sơ Thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với cán bộ, công chức thuộc Phòng Quản lý xây dựng công trình thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang; các tổ chức, cá nhân có nhu cầu

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

- Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015
- Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- QLXDCT: Quản lý xây dựng công trình

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014; - Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/03/2021 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: Hồ sơ trình thẩm định phải bảo đảm tính pháp lý, phù hợp với nội dung đề nghị thẩm định. Hồ sơ trình thẩm định được xem là hợp lệ khi bảo đảm các nội dung quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ, đúng quy cách, được trình bày với ngôn ngữ chính là tiếng Việt và được người đề nghị thẩm định kiểm tra, xác nhận. Phần hồ sơ thiết kế kiến trúc trong hồ sơ thiết kế xây dựng (nếu có) cần tuân thủ quy định theo pháp luật về kiến trúc.
5.3	Thành phần hồ sơ Bản chính Bản sao
	- Tờ trình thẩm định Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở/điều chỉnh Thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 4 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ. x x
	- Các văn bản pháp lý kèm theo, gồm: quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng kèm theo Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được phê duyệt; văn bản thông báo kết quả thẩm định của cơ quan chuyên môn về xây dựng và hồ sơ bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu xác nhận kèm theo (nếu có); báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng của nhà thầu tư vấn thẩm tra được chủ đầu tư xác nhận (nếu có yêu cầu); văn bản thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, kết quả thực hiện thủ tục về đánh giá tác động môi trường hoặc giấy phép môi trường (nếu có yêu cầu theo quy định của x x

	pháp luật về phòng cháy và chữa cháy, bảo vệ môi trường) và các văn bản khác có liên quan.		
	Thủ tục về phòng cháy và chữa cháy được thực hiện theo nguyên tắc đồng thời, không yêu cầu bắt buộc xuất trình tại thời điểm trình hồ sơ thẩm định, song phải có kết quả gửi cơ quan chuyên môn về xây dựng trước thời hạn thông báo kết quả thẩm định 05 ngày làm việc;	x	x
	- Hồ sơ khảo sát xây dựng được chủ đầu tư phê duyệt; hồ sơ thiết kế xây dựng của bước thiết kế xây dựng trình thẩm định;	x	x
	- Mã số chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập thiết kế xây dựng, nhà thầu thẩm tra; mã số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của các chức danh chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn thiết kế; chủ nhiệm, chủ trì thẩm tra; Giấy phép hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài (nếu có);	x	x
	- Đối với các công trình sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công có yêu cầu thẩm định dự toán xây dựng, ngoài các nội dung quy định tại nêu trên, hồ sơ phải có thêm dự toán xây dựng; các thông tin, số liệu về giá, định mức có liên quan để xác định dự toán xây dựng; báo giá, kết quả thẩm định giá (nếu có).	x	x
	- Đối với thiết kế triển khai sau thiết kế cơ sở điều chỉnh ngoài các thành phần hồ sơ nêu trên, chủ đầu tư phải nộp báo cáo tình hình thực tế thi công xây dựng công trình (trường hợp công trình đã thi công xây dựng).	x	x
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ		
5.5	Thời gian xử lý: - Không quá 40 ngày (320 giờ) đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt; - Không quá 30 ngày (240 giờ) đối với công trình cấp II và cấp III; - Không quá 20 ngày (160 giờ) đối với công trình còn lại.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: + Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm) + Qua bưu chính công ích; + Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công		

5.7	Lệ phí: Theo quy định của Bộ Tài chính			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	Nơi nộp hồ sơ: - Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh (hồ sơ nộp tại trung tâm); - Qua bưu chính công ích; - Đăng ký trực tuyến Cổng dịch vụ công	Tổ chức	Giờ hành chính	
Bước 2	- Tiếp nhận hồ sơ và ghi biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; - Chuyển phòng chuyên môn thẩm định hồ sơ (bản giấy/bản số)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	2 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 3	Lãnh đạo phòng phân công chuyên viên xử lý	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 4	Phòng chuyên môn xử lý hồ sơ: + Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, điều kiện thì trong thời gian 05 (hai) ngày làm việc Gửi văn bản yêu cầu bổ sung hồ sơ; + Trả lại hồ sơ thẩm định trong trường hợp: Trình thẩm định không đúng với thẩm quyền của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc người đề nghị thẩm định không đúng thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ; Không thuộc đối tượng phải thẩm định tại cơ quan chuyên môn về xây dựng theo quy định; Hồ sơ trình thẩm định không bảo đảm về tính pháp lý hoặc không hợp lệ theo quy định tại Nghị định này;	Chuyên viên phòng chuyên môn	+ công trình cấp I, cấp đặc biệt: 292 giờ; + công trình cấp II và cấp III: 212 giờ; + công trình còn lại: 132 giờ;	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6

	+ Gửi văn bản đến các cơ quan có thẩm quyền về phòng cháy chữa cháy để thực hiện lấy ý kiến về giải pháp phòng cháy, chữa cháy của thiết kế cơ sở trong trường hợp chủ đầu tư có yêu cầu.			
Bước 5	Lãnh đạo phòng kiểm tra hồ sơ, xem xét, báo cáo kết quả thẩm định, xây dựng các văn bản, tờ trình, dự thảo quyết định phê duyệt dự án trình Lãnh đạo Sở phê duyệt.	Lãnh đạo phòng	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 6	Lãnh đạo Sở xem xét, phê duyệt	Ban Giám đốc Sở	8 giờ	Theo mục 5.3; 5.4; 5.5 và mục 6
Bước 7	Văn thư đóng dấu, quét ký số, chuyển trả kết quả cho bộ phận tiếp nhận	Văn thư	4 giờ	Theo mục 6,7
Bước 8	Trả hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích đến người thực hiện thủ tục hành chính (không yêu cầu cá nhân/tổ chức thực hiện nghĩa vụ tài chính bước này, do phải qua kho bạc nhà nước kiểm soát chi)	Bộ phận tiếp nhận hồ sơ	Giờ hành chính	

6. BIỂU MẪU (theo biểu mẫu đính kèm tại QTNB số 2 phần I)

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 04 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế xây dựng theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định 15/2021/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Công văn thông báo kết quả thẩm định và điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở theo Mẫu số 06 Phụ lục I Nghị định số 15/2021/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Các hồ sơ, giấy tờ tại mục 5.3
2	Văn bản ý kiến của cơ quan liên quan

Hồ sơ được lưu tại phòng QLXDCT, thời gian lưu trữ theo quy định hiện hành.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DO BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ PHỤ TRÁCH:

1. Thủ tục hành chính lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng (1.009794.000.00.00.H01) Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ	QUY TRÌNH Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	Mã THC:	1.009794.000.00.00.H01
		Tháng BH	

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Lê Thành Luân	Nguyễn Thanh Bình	Nguyễn Hồng Quang
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên P.QLQH XD	Lãnh đạo P.QLQH XD	Lãnh đạo Ban Quản lý Khu Kinh tế

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
Theo Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07/7/2023 của Bộ Xây dựng	Các nội dung ở Dự thảo lần 1		Lần 2	2024

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo quy định hiện hành.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng; Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Căn cứ Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014. - Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng. - Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-BXD ngày 07 tháng 7 năm 2023 của Bộ Xây dựng Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng công trình xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng. - Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình.	Bản chính	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Ban Quản lý Khu kinh tế nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang.		

	- Qua dịch vụ Bưu chính. - Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn			
5.7	Lệ phí: Không có.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Ban Quản lý Khu kinh tế 20 ngày làm việc (160 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại: + Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính Công tỉnh An Giang. + Qua dịch vụ Bưu chính. + Nộp trực tuyến qua địa chỉ http://dichvucong.angiang.gov.vn - Chuyển hồ sơ về Ban, chuyển Chuyên viên phụ trách	Bộ phận TN&TKQ tại TT PV HHC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	128 giờ	
	- Lãnh đạo phòng xem xét, trình lãnh đạo Ban phê duyệt.	Lãnh đạo phòng chuyên môn	16 giờ	
Bước 3	- Lãnh đạo Ban phê duyệt.	Lãnh đạo Ban	08 giờ	
Bước 4	-Văn thư: Tiếp nhận kết quả, photo nhân bản, Đóng dấu ký số, phát hành. -Lưu hồ sơ theo quy định tại mục 7 của quy trình - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn phòng	04 giờ	

Bước 5	Trả kết quả cho TCCN theo giấy hẹn	Bộ phận TN&TKQ tại TT PV HHC	Không tính thời gian	
-------------------	------------------------------------	------------------------------------	-------------------------------	-------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
2	Mẫu số 02	Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình theo mẫu Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.
3	Mẫu số 03	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.
2	Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ lưu trữ tối thiểu 10 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm A, 07 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm B và 05 năm đối với công trình thuộc dự án nhóm C kể từ khi đưa hạng mục công trình, công trình vào sử dụng. Năm đầu tiên hồ sơ được lưu tại Phòng Quản lý Quy hoạch và Xây dựng. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Văn phòng Ban lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

(Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VIa ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO

**HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH,
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

.....(1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng(3)..... thuộc dự án.....
2. Địa điểm xây dựng.....
3. Tên và số điện thoại liên lạc của cá nhân phụ trách trực tiếp:
4. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
5. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
6. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
7. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
8. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
9. Báo cáo về các điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
10. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.

Chủ đầu tư cam kết đã tổ chức thi công xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được thẩm định, phê duyệt, giấy phép xây dựng (hoặc căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật); tập hợp hồ sơ hoàn thành công trình đầy đủ và tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Đề nghị(2)....tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:...

Ghi chú:

- (1) Tên của chủ đầu tư.
- (2) Cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (3) Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng hoặc phần công trình trong trường hợp đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu từng phần công trình.

Mẫu 02

(Danh mục hồ sơ hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình theo mẫu Phụ lục VIb ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

DANH MỤC HỒ SƠ HOÀN THÀNH CÔNG TRÌNH**I. HỒ SƠ CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ HỢP ĐỒNG**

1. Quyết định chủ trương đầu tư xây dựng và Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng (nếu có).
2. Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình và Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng hoặc Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.
3. Nhiệm vụ thiết kế, các văn bản thẩm định, tham gia ý kiến của các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định dự án đầu tư xây dựng và thiết kế cơ sở.
4. Phương án đền bù giải phóng mặt bằng và xây dựng tái định cư (nếu có).
5. Văn bản của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về: thỏa thuận quy hoạch, thỏa thuận hoặc chấp thuận sử dụng hoặc đấu nối với công trình kỹ thuật bên ngoài hàng rào; đánh giá tác động môi trường, đảm bảo an toàn (an toàn giao thông, an toàn cho các công trình lân cận) và các văn bản khác có liên quan.
6. Quyết định giao đất, cho thuê đất của cơ quan có thẩm quyền hoặc hợp đồng thuê đất đối với trường hợp không được cấp đất.
7. Giấy phép xây dựng, trừ những trường hợp được miễn giấy phép xây dựng.
8. Quyết định chỉ định thầu, phê duyệt kết quả lựa chọn các nhà thầu và hợp đồng xây dựng giữa chủ đầu tư với các nhà thầu.
9. Các tài liệu chứng minh điều kiện năng lực của các nhà thầu theo quy định.
10. Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư xây dựng.

II. HỒ SƠ KHẢO SÁT XÂY DỰNG, THIẾT KẾ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Nhiệm vụ khảo sát, phương án kỹ thuật khảo sát, báo cáo khảo sát xây dựng công trình.
2. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu kết quả khảo sát xây dựng.
3. Kết quả thẩm tra, thẩm định thiết kế xây dựng; quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình kèm theo: hồ sơ thiết kế xây dựng công trình đã được phê duyệt (có danh mục bản vẽ kèm theo); chỉ dẫn kỹ thuật.
4. Văn bản thông báo chấp thuận nghiệm thu thiết kế xây dựng công trình.
5. Các văn bản, tài liệu, hồ sơ khác có liên quan đến giai đoạn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình.

III. HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG THI CÔNG XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Danh mục các thay đổi thiết kế trong quá trình thi công xây dựng công trình và các văn bản thẩm định, phê duyệt của cấp có thẩm quyền.
2. Bản vẽ hoàn công (có danh mục bản vẽ kèm theo).
3. Các kế hoạch, biện pháp kiểm tra, kiểm soát chất lượng thi công xây dựng công trình.
4. Các chứng từ chứng nhận xuất xứ hàng hóa, nhãn mác hàng hóa, tài liệu công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với sản phẩm, hàng hóa; chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy, thông báo tiếp nhận hồ sơ công bố hợp quy của cơ quan chuyên ngành; chứng nhận hợp chuẩn (nếu có) theo quy định của Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa.
5. Các kết quả quan trắc (nếu có), đo đạc, thí nghiệm trong quá trình thi công.
6. Các biên bản nghiệm thu công việc xây dựng, nghiệm thu bộ phận hoặc giai đoạn công trình (nếu có) trong quá trình thi công xây dựng.
7. Các kết quả thí nghiệm đối chứng, kiểm định chất lượng công trình, thí nghiệm khả năng chịu lực kết cấu xây dựng (nếu có).
8. Hồ sơ quản lý chất lượng của thiết bị lắp đặt vào công trình.
9. Quy trình vận hành, khai thác công trình (nếu có); quy trình bảo trì công trình.
10. Văn bản thỏa thuận, chấp thuận, xác nhận của các tổ chức, cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có) về:
 - a) Di dân vùng lòng hồ, khảo sát các di tích lịch sử, văn hóa;
 - b) An toàn phòng cháy, chữa cháy;
 - c) An toàn môi trường;
 - d) An toàn lao động, an toàn vận hành hệ thống thiết bị công trình, thiết bị công nghệ;
 - đ) Thực hiện Giấy phép xây dựng (đối với trường hợp phải có giấy phép xây dựng);
 - e) Cho phép đầu nối với công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình khác có liên quan;
 - g) Văn bản của cơ quan chuyên môn về xây dựng, quản lý phát triển đô thị về việc hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật có liên quan của dự án theo kế hoạch xây dựng nêu tại Báo cáo nghiên cứu khả thi đã được thẩm định, phê duyệt;
 - h) Các văn bản khác theo quy định của pháp luật có liên quan.
11. Hồ sơ giải quyết sự cố công trình (nếu có).
12. Phụ lục các tồn tại cần sửa chữa, khắc phục (nếu có) sau khi đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
13. Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng.
14. Văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này (nếu có).

15. Các hồ sơ, tài liệu có liên quan trong quá trình thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu theo quy định tại Điều 24 Nghị định này (nếu có).

16. Các hồ sơ/văn bản/tài liệu khác có liên quan trong giai đoạn thi công xây dựng và nghiệm thu công trình xây dựng.

Ghi chú:

Khi gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo quy định tại điểm a khoản 6 Điều 24 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ, chủ đầu tư chỉ gửi danh mục liệt kê các tài liệu nêu tại Phụ lục này trừ các hồ sơ tài liệu quy định tại khoản 13, 14, 15 Phụ lục này.

Mẫu số 03

(Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ)

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO

**KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH HẠNG MỤC
CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:(2).....

Căn cứ Nghị định số .../2021/NĐ-CP ngày ... tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ giấy phép xây dựng (4);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế được thẩm định tại văn bản số.....;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của Chủ đầu tư số ... ngày ...;

Căn cứ báo cáo khắc phục tồn tại của Chủ đầu tư số ngày ... (nếu có);

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy số (nếu có);

Căn cứ văn bản xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường số (nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày.....,

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu của.....(2)..... để đưa vào sử dụng đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(3)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.

2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng thiết kế được duyệt.
- Các yêu cầu khác *(nếu có)*.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Ghi rõ tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi nghiệm thu.
- (4) Trường hợp miễn giấy phép xây dựng: ghi căn cứ miễn phép theo quy định của pháp luật.